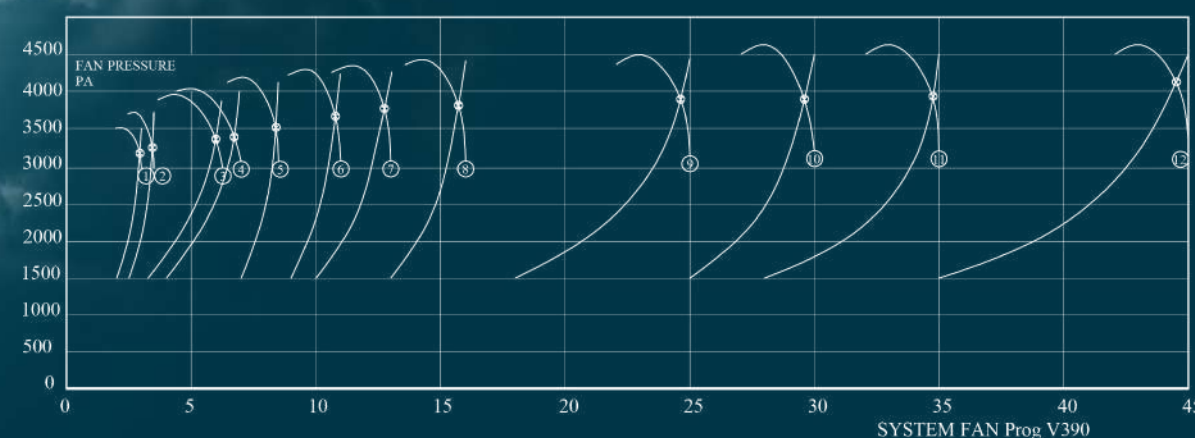
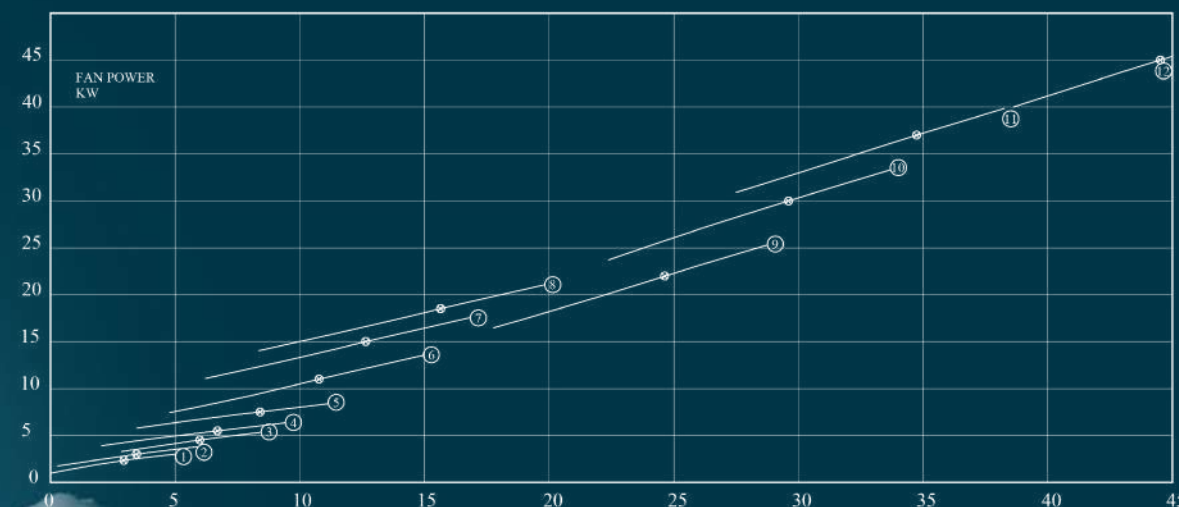




Volume Flow M³/h x 1000

* Liên hệ tới System Fan để nhận đường đặc tính cụ thể cho từng mã quạt System Fan.

ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH

SỬ DỤNG

Sử dụng hút bụi trong các nhà máy công nghiệp như: gạch, xi măng, gỗ, dệt sợi, giấy, than, luyện kim...

ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

- ✦ Kết cấu cánh hở chống bám bụi, biên dạng lá theo tiêu chuẩn các loại bụi.
- ✦ Hiệu suất hút bụi cao, độ rung thấp.
- ✦ Có khả năng hút được các loại bụi có tính bám dính và độ ẩm cao.
- ✦ Quạt có thể lắp các loại động cơ thông thường hoặc động cơ chống cháy, chịu nhiệt từ 200°C đến 400°C trong 2h của POWER, ENERTECH, TOÀN PHÁT, ABB, SIMENS,...
- ✦ Vật liệu chế tạo: Thép, Inox, Composite.

BẢNG ĐỘ ỒN

MODEL	4		4,5	5		6,3		7		8		10
SCD-HNo	2,2	3	4	5,5	7,5	11	15	18,5	22	30	37	45
Inlet SPL dBA (Near Field)	87	87	88	89	89	92	92	92	92	92	92	92
Outlet SPL dBA (Near Field)	88	88	89	90	90	93	93	93	93	93	93	93
Cassing SPL dBA (3m)	78	78	79	80	80	83	83	85	86	87	88	89

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

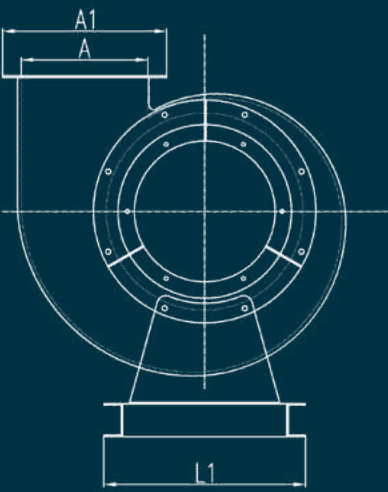
STT	MODEL	Công suất	Tốc độ	Điện áp	Lưu lượng	Áp suất	Trọng lượng
		(kW)	(Pole)	(V)	(m³/h)	(Pa)	(Kg)
1	SCD-H4	2,2	2P	380	2000-3000	3000-3500	66
		3	2P	380	2500-3500	3000-3700	69
2	SCD-H4,5	4	2P	380	3500-6000	3000-3800	94
3	SCD-H5	5,5	2P	380	4000-7000	3100-4000	130
		7,5	2P	380	7000-8500	3100-4200	140
4	SCD-H6,3	11	2P	380	9000-11000	3100-4300	265
		15	2P	380	10000-13000	3100-4300	304
5	SCD-H7	18,5	2P	380	13000-16000	3100-4400	475
		22	2P	380	18000-25000	3200-4400	510
6	SCD-H8	30	4P	380	25000-30000	3200-4500	734
		37	4P	380	28000-35000	3200-4500	810
7	SCD-H10	45	4P	380	35000-45000	3300-4500	945

KÍCH THƯỚC

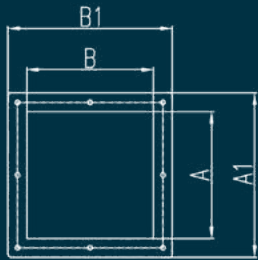
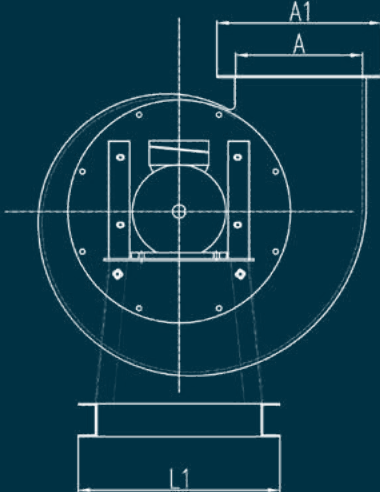
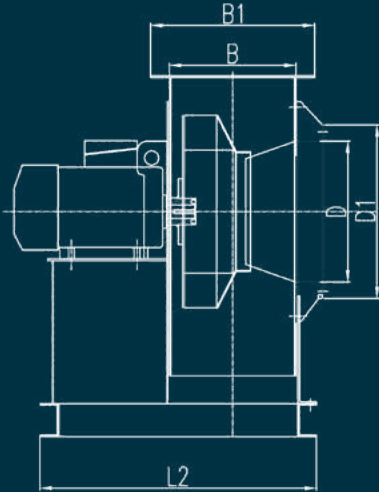
*Bản vẽ có thể đã được cải tiến, Liên hệ System Fan để lấy bản vẽ và kích thước chính xác nhất

Model	A	A1	B	B1	D	D1	L1	L2
4	175	255	130	210	150	220	400	470
	175	255	130	210	150	220	400	470
4,5	300	380	200	280	210	290	500	600
5	320	400	220	300	250	340	510	620
	320	400	220	300	250	340	510	620
6,3	440	540	256	356	310	380	600	710
	440	540	256	356	310	380	600	710
7	490	594	338	442	370	470	750	980
	490	594	338	442	370	470	750	980
8	600	700	410	510	430	530	870	1050
	600	700	410	510	430	530	870	1150
10	700	820	520	640	600	720	1100	1300

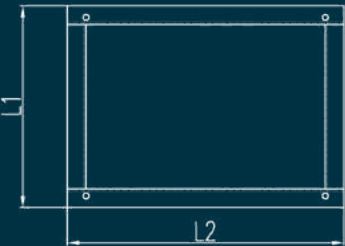
BẢN VẼ KỸ THUẬT



Kích thước cửa hút



Kích thước cửa thổi



CHIỀU QUAY HƯỚNG GIÓ

